TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2023/KDTM - PT.
Ngày : 20/3/2023
V/v: Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: ***Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh.***
Các Thẩm phán : ***Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh***
Bà Lê Thúy Linh
Thư ký Toà án nhân dân TP Hà Nội ghi biên bản phiên toà : ***Ông Nguyễn Trung Kiên***
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: ***Ông Trần Chí Thành*** *- KSV*

Ngày 20 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử công khai vụ án Kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số: 04/2023/TLPT - KDTM ngày 4 tháng 1 năm 2023 về Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 31/2022/ KDTM – ST, ngày 30 tháng 09 năm 2022 của Tòa án nhân dân Huyện Thạch Thất bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 54/2023/ QĐ-PT ngày 16 tháng 2 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 2 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ***Công ty Cổ phần X*** (gọi tắt là: P).
Địa chỉ: Số 194 phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Mạnh Hà - Giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Đại Thắng - Phó Giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền : Bà Nguyễn Thu Hằng - sinh năm 1972.
Địa chỉ: Phòng 703 tầng 7, số 105 phố Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.
Bị đơn: ***Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại xuất nhập khẩu xăng dầu Tập đoàn N***. (gọi tắt là: Công ty N)
Địa chỉ: Thôn Vĩnh Lộc 1, xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.
Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần N - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Lê Đức Bẩy - Luật sư của Văn phòng luật sư 19.8 - Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng.
Địa chỉ: Số 133 phố Trần Phú, phường Cầu Đất, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.
Bà Hằng, ông Bảy có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các văn bản tiếp theo nguyên đơn trình bày:

P có ký Hợp đồng đại lý bán xăng dầu số 188/ĐL/P-XDHN-NHATTHU/2020/B ngày 09/09/2020 với Công ty N với nội dung: P đồng ý giao cho Công ty N làm Đại lý bán xăng dầu để tiêu thụ các mặt hàng xăng, dầu bao gồm: Xăng khoáng, xăng sinh học, dầu diesel (DO 0,05S) và dầu mazut: FO No2B (3,5%S) và FO No2B (3%S) tại các cửa hàng bán lẻ xăng dầu trong hệ thống của Công ty N và các hộ tiêu thụ trực tiếp theo quy định của Nhà nước.

Căn cứ theo thỏa thuận tại Hợp đồng số 188, việc giao hàng được thực hiện trên cơ sở Phiếu đặt mua hàng của Công ty N (Khoản 1.4 Điều 1 Hợp đồng số 188). Khi tiến hành giao hàng, các bên sẽ lập Biên bản giao nhận hàng hóa và số lượng hàng hóa ghi trên Hóa đơn giá trị gia tăng của P là cơ sở thanh toán giữa hai bên (Khoản 2.4 Điều 2 Hợp đồng số 188).

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng số 188, trên cơ sở các Phiếu đặt mua hàng của Công ty N, trong khoảng thời gian từ ngày 01/10/2020 đến hết ngày 09/06/2021, P đã bán và giao cho Công ty N tổng cộng 793.670 lít xăng, dầu (hàng hóa được giao tại Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Tập Đoàn N tại Thôn Vĩnh Lộc 1, xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, Hà Nội), tổng giá trị hàng hóa đã bán và giao hàng là 10.763.369.100 đồng. Các số liệu này được phản ánh tại Hóa đơn GTGT mà P đã xuất, Biên bản giao nhận hàng hóa, lấy và lưu mẫu xăng dầu. Chi tiết về các lần giao hàng và số lượng hàng hóa đã giao thể hiện tại Bảng kê chi tiết số lượng hàng hóa mua bán và chi tiết thanh toán theo từng tháng và các chứng từ gửi kèm Đơn khởi kiện.

Trong tổng số tiền mua hàng 10.763.369.100 đồng, Công ty N đã thanh toán cho P số tiền là 9.386.929.102 đồng, còn nợ số tiền là 1.376.439.998 đồng (Một tỷ ba trăm bảy mươi sáu triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn chín trăm chín mươi tám đồng). Chi tiết thanh toán được thể hiện tại Bảng kê chi tiết số lượng hàng hóa mua bán và chi tiết thanh toán theo từng tháng và chứng từ thanh toán qua ngân hàng gửi kèm Đơn khởi kiện.

Số tiền công nợ 1.376.439.998 đồng là công nợ phát sinh từ các Phiếu đặt mua hàng và Hóa đơn giao hàng từ ngày 21/05/2021 trở về sau (các khoản tiền Công ty N đã

thanh toán được tính trừ lùi cho các Hóa đơn xuất trước, các Hóa đơn xuất từ thời điểm ngày 21/05/2021 trở về sau chưa được thanh toán).

Theo quy định tại Điều 3 Hợp đồng số 188, việc thanh toán được thỏa thuận như sau: Công ty N thanh toán tiền mua hàng cho P theo một trong hai hình thức sau: (i) thanh toán trả trước (trả ngay): Công ty N phải thanh toán tiền mua hàng cho P trước khi Công ty N nhận hàng; (ii) thanh toán trả chậm: trường hợp Công ty N có nhu cầu mua hàng theo hình thức trả chậm và P đồng ý cấp hạn mức công nợ thì mọi điều khoản liên quan đến việc thanh toán trả chậm sẽ được quy định tại Phụ lục hợp đồng ký giữa hai bên. Quy định tại Điều 3 Hợp đồng thể hiện, trường hợp áp dụng phương thức thanh toán trả chậm thì giữa hai bên sẽ ký Phụ lục hợp đồng để quy định cụ thể về việc chậm thanh toán. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng số 188, giữa hai bên không ký Phụ lục hợp đồng về việc áp dụng phương thức thanh toán trả chậm, đồng nghĩa với việc phương thức thanh toán áp dụng với Công ty N là thanh toán trả trước.

Căn cứ theo quy định tại Hợp đồng số 188 đã ký giữa hai bên thì Công ty N phải thanh toán tiền hàng trước khi nhận hàng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, đại diện Công ty N (bà Trần N) cam kết, hứa hẹn chỉ chậm thanh toán một vài ngày, mặt khác, để tạo điều kiện cho Công ty N không bị dừng cấp hàng, P đã linh hoạt giải quyết cho Công ty N nợ lại một số tiền hàng. Tính đến hết ngày 09/06/2021, tổng số dư nợ của Công ty N là 1.376.439.998 đồng. Do dư nợ lớn, P đã nhiều lần liên hệ, trao đổi đề nghị Công ty N thanh toán công nợ hoặc có phương án cung cấp thư bảo lãnh ngân hàng phù hợp nhưng Công ty N không thanh toán công nợ cũng không phối hợp đưa ra phương án giải quyết phù hợp. Do vậy, ngày 11/06/2021, P đã gửi Công văn số 1506/XDHN-KDXD đề nghị thanh toán công nợ và thông báo việc tạm dừng cung cấp hàng hóa cho đến khi Công ty N thanh toán hết công nợ.

Từ sau ngày 11/06/2021 đến nay, P đã nhiều lần gửi Công văn đề nghị thanh toán, hẹn lịch làm việc và nhiều lần cử cán bộ đến trụ sở của Công ty N làm việc để giải quyết công nợ nhưng đại diện Công ty N không phối hợp làm việc, giải quyết công nợ.

P đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu sau:

Buộc Công ty N phải thành toán trả P số tiền nợ mua hàng là 1.376.439.998 đồng.

Buộc Công ty N phải thanh toán khoản tiền lãi chậm thanh toán theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, áp dụng mức lãi suất chậm thanh toán là 10%/năm. Kể từ ngày 01/07/2021 đến hết ngày 30/9/2022 là

172.054.995 đồng. Và tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/10/2022 cho đến khi thanh toán xong tiền nợ gốc.

Bị đơn trình bày: Về việc giao kết hợp đồng và quá trình thực hiện hợp đồng như Nguyên đơn đã trình bày trong đơn khởi kiện và các văn bản trình bày ý kiến thì Bị đơn thấy rằng các tài liệu mà phía Nguyên đơn giao nộp tại Tòa án là chưa hợp lệ nên Bị đơn yêu cầu Nguyên đơn cho kế toán của hai bên đối chiếu lại hóa đơn chứng từ để cùng chốt công nợ. Sau khi hai bên chốt được số nợ gốc nếu có thì mỗi tháng bị đơn sẽ thanh toán cho Nguyên đơn tối thiểu là 50.000.000 đồng/tháng, đồng thời Bị đơn yêu cầu Nguyên đơn phải tiếp tục thực hiện hợp đồng để tiếp tục giao hàng cho Bị đơn theo hình thức đơn đặt hàng và thanh toán tiền trước rồi mới nhận hàng (xăng dầu). Do vậy, Bị đơn chưa có đủ căn cứ để xác nhận khoản nợ gốc và lãi theo yêu cầu cầu của Nguyên đơn đưa ra đến hết ngày 30/6/2022 là 1.514.083.994 đồng.

Ngày 20/9/2022, Tòa án nhận được Đơn phản tố của Công ty N có nội dung: Tại đơn khởi kiện, P căn cứ Điều 3 của hợp đồng số 188 yêu cầu Công ty N thanh toán tiền mua hàng do Công ty N vi phạm hợp đồng với suy luận rằng: Hai bên chưa ký phụ lục hợp đồng theo hình thức "thanh toán chậm" thì đồng nghĩa với việc phương thức thanh toán áp dụng là thanh toán trước và từ đó P cho rằng Công ty N vi phạm hợp đồng, ngay lập tức P đơn phương chấm dưt hợp đồng, không giao hàng cho xăng dầu cho Công ty N. Việc khởi kiện của P với Công ty N là không có căn cứ vì: P và Công ty N chưa chốt số liệu, số tiền phải thanh toán và Hợp đồng chưa chấm dứt. P đơn phương chấm dứt hợp đồng là vi phạm theo quy định tại Điều 3 và Điều 9 của Hợp đồng số 188. Tuy P và Công ty N chưa ký phụ lục theo hình thức "thanh toán chậm" nhưng trên cơ sở thực tế giữa P và Công ty N vẫn tiến hành giao hàng khi chưa thanh toán tiền trước, điều này đồng nghĩa với việc hai bên đã chấp nhận việc thanh toán trả chậm và bỏ qua việc ký phụ lục, cụ thể:

Ngày 07/6/2021, P vẫn giao hàng cho Công ty N. Ngày 09/6/2021 Công ty N thanh toán tiền hàng cho P. Ngày 11/6/2021 P dừng giao hàng đột ngột cho Công ty N, đồng thời tiến hành khởi kiện đối với Công ty N với số tiền gốc và lãi là 1.514.986.994 đồng.

Việc dừng giao hàng của P là vi phạm theo Điều 3 và Điều 9 của Hợp đồng số 188, gây thiệt hại rất lớn đối với Công ty N vì mặt hàng xăng dầu là mặt hàng kinh doanh có điều kiện, Công ty N chỉ được ký kết làm đại lý cho duy nhất P. Việc chấm dứt hợp đồng trên của P đã gây thiệt hại đối với Công ty N tạm tính đến thời điểm phản tố

khoảng 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Do vậy, Công ty N yêu cầu Tòa án buộc P bồi thường cho Công ty N số tiền 500.000.000 đồng do vi phạm hợp đồng.

Xem xét Đơn khởi kiện của Nguyên đơn thấy rằng tại mục "Người khởi kiện" được đại diện bởi ông Đào Đại Thắng- Chức vụ: Phó giám đốc Công ty. Đồng thời cuối đơn khởi kiện tại mục "Người khởi kiện" có ghi ký thay Giám đốc- Phó giám đốc Đào Đại Thắng. Căn cứ Điều 192 và 193 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ông Đào Đại Thắng không có quyền khởi kiện vụ án này. Do vậy, Đơn khởi kiện của Nguyên đơn trong vụ án này là trái pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Do đơn khởi kiện của Nguyên đơn trái pháp luật nên Bị đơn không trình bày ý kiến đối với nội dung khởi kiện của Nguyên đơn. Đồng thời Bị đơn xin rút toàn bộ Đơn yêu cầu phản tố đề ngày 19/8/2022, sau này nếu cần thiết thì Bị đơn sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 31/2022/ KDTM – ST, ngày 30 tháng 09 năm 2022 của Tòa án nhân dân Huyện Thạch Thất đã quyết định như sau :

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần X (P).

Buộc Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại xuất nhập khẩu Xăng dầu Tập đoàn N phải trả nợ cho Công ty cổ phần X tổng số tiền hàng và tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 30/9/2022 là 1.548.494.993 đồng (Một tỷ, năm trăm bốn mươi tám triệu, chín trăm chín mươi tư nghìn, chín trăm chín mươi ba đồng). Trong đó: Tiền hàng (gốc) là 1.376.439.998 đồng (Một tỷ, ba trăm bảy mươi sáu triệu, bốn trăm ba mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi tám đồng), tiền lãi chậm thanh toán là 172.054.995 đồng (Một trăm bảy mươi hai triệu, không trăm năm mươi tư nghìn, chín trăm chín mươi lăm đồng). Kể từ ngày 01/10/2022, Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại xuất nhập khẩu Xăng dầu Tập đoàn N phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh đối với số nợ gốc chậm thanh toán, theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

2. Về án phí:

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại xuất nhập khẩu Xăng dầu Tập đoàn N phải chịu 58.455.000 đồng (Năm mươi tám triệu, bốn trăm năm mươi lăm nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Công ty cổ phần X số tiền 28.200.000 đồng (Hai mươi tám triệu, hai trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số

0025398 ngày 16/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.

Bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Công ty N kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm :

- *P trình bày*: Ông Trần Mạnh Hà ký Giấy ủy quyền số 10/XDHN-UQ ngày 8/4/2022 với nội dung ủy quyền cho ông Đào Đại Thắng quyết định nội dung khởi kiện và ký đơn khởi kiện do vậy việc ông Thắng đại diện P ký Đơn khởi kiện là phù hợp pháp luật. Ngày 2/5/2021 Công ty N và P ký đối chiếu công nợ đến ngày 30/4/2021 theo đó xác định Công ty N nợ 756.767.368 đồng, sau đó tháng 5 và tháng 6/2021 P cung cấp xăng dầu cho Công ty N đều có biên bản đối chiếu khối lượng, tính ra tiền hàng tháng 5 là 2.590.745.500 đồng , tháng 6 là 498.916.130 đồng, sau ngày 2/5/2021 Công ty N thanh toán cho P số tiền 2.469.989.000 đồng, do vậy việc P đòi Công ty N số tiền hàng 1.376.439.998 đồng là có căn cứ. P cung cấp biểu lãi suất của 3 Ngân hàng, theo đó mức lãi suất quá hạn từ 13,5%/năm trở lên, tuy nhiên P chỉ yêu cầu mức 10%/năm, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty N giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- *Công ty N trình bày*: Xem xét Đơn khởi kiện của Nguyên đơn thấy rằng tại mục "Người khởi kiện" được đại diện bởi ông Đào Đại Thắng- Chức vụ: Phó giám đốc Công ty. Đồng thời cuối đơn khởi kiện tại mục "Người khởi kiện" có ghi ký thay Giám đốc- Phó giám đốc Đào Đại Thắng. Căn cứ Điều 192 và 193 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ông Đào Đại Thắng không có quyền khởi kiện vụ án này. Do vậy, Đơn khởi kiện của Nguyên đơn trong vụ án này là trái pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Do đơn khởi kiện của Nguyên đơn trái pháp luật nên Bị đơn không trình bày ý kiến đối với nội dung khởi kiện của Nguyên đơn.

Trong Hợp đồng các bên không thỏa thuận lãi suất do vậy đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đơn kháng cáo của Công ty N trong thời hạn Luật định và hợp lệ.

Căn cứ Giấy ủy quyền số 10/XDHN-UQ ngày 8/4/2022 do ông Trần Mạnh Hà là người đại diện theo pháp luật của P ký với nội dung ủy quyền cho ông Đào Đại Thắng quyết định nội dung khởi kiện và ký đơn khởi kiện do vậy việc ông Thắng đại diện P ký Đơn khởi kiện là phù hợp pháp luật.

Hợp đồng đại lý bán xăng dầu số 188/ĐL/P-XDHN-NHATTHU/2020/B ngày 09/09/2020 do hai bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức phù hợp pháp luật nên phát sinh hiệu lực. Căn cứ Biên bản đối chiếu công nợ và các tài liệu khác có trong hồ sơ thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của P buộc Công ty N phải trả gốc và lãi là có căn cứ, nên chấp nhận.

Quan hệ pháp luật là tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa do vậy phải áp dụng Luật thương mại giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng Luật thương mại mà áp dụng Bộ luật dân sự là chưa đúng, do vậy căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty N, sửa án sơ thẩm về áp dụng pháp luật.

- Án phí: Công ty N phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về thủ tục tố tụng : Đơn kháng cáo của Công ty N trong thời hạn Luật định và hợp lệ.

- Căn cứ Giấy ủy quyền số 10/XDHN-UQ ngày 8/4/2022 có nội dung: " *Người ủy quyền đồng ý giao và Người được ủy quyền đồng ý nhận và thay mặt Người ủy quyền thực hiện những công việc sau: Quyết định nội dung khởi kiện, ký đơn khởi kiện*". Thấy rằng ông Trần Mạnh Hà là người đại diện theo pháp luật của P đã ủy quyền cho ông Đào Đại Thắng được đại diện cho Công ty Quyết định nội dung khởi kiện, ký đơn khởi kiện do vậy tại Đơn khởi kiện ngày 12/4/2022 ông Đào Đại Thắng ký Đơn khởi kiện với tư cách đại diện của P là phù hợp với khoản 3 điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết vụ án và xác định P là nguyên đơn trong vụ án là có căn cứ, do vậy không chấp nhận kháng cáo của Công ty N về việc ông Đào Đại Thắng không có thẩm quyền ký Đơn khởi kiện.

- Về nội dung:

- Ngày 9/9/2020, P do ông Đào Đại Thắng – Phó giám đốc đại diện theo Giấy ủy quyền số 28/XDHN - UQ ngày 12/12/2019 và Công ty N do bà Trần N – Tổng Giám đốc đại diện ký kết Hợp đồng đại lý bán xăng dầu số 188/ĐL/P-XDHN-NHATTHU/2020/B ngày 09/09/2020 với nội dung: " *Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý làm Đại lý bán xăng dầu cho Bên A để tiêu thụ các mặt hàng xăng, dầu bao gồm: Xăng khoáng, xăng sinh học, dầu diesel (DO 0,05S) và dầu mazut: FO No2B (3,5%S) và FO No2B (3%S) tại các cửa hàng bán lẻ xăng dầu trong hệ thống của Bên B và các hộ tiêu thụ trực tiếp theo quy định của Nhà nước*. "

Thấy rằng, P và Công ty N ký kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nội dung và hình thức của Hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực.

Căn cứ vào các Phiếu đặt mua hàng của Công ty N; Biên bản đối chiếu lượng hàng mua hàng tháng; Hóa đơn giá trị gia tăng; Biên bản giao nhận hàng hóa, lấy và lưu mẫu xăng dầu; Bảng kê chi tiết số lượng hàng hóa mua bán và chi tiết thanh toán theo từng tháng do P giao nộp trong hồ sơ đủ căn cứ chứng minh: Trong quá trình thực hiện Hợp đồng số 188, trong khoảng thời gian từ ngày 01/10/2020 đến hết ngày 09/06/2021, P đã bán và giao cho Công ty N tổng cộng 793.670 lít xăng, dầu tại Cửa hàng bán lẻ xăng dầu của Công ty N ở thôn Vĩnh Lộc, xã Phùng Xá. Tổng giá trị hàng hóa đã bán và giao hàng là 10.763.369.100 đồng. Công ty N đã thanh toán cho P được số tiền là 9.386.929.102 đồng, còn nợ số tiền là 1.376.439.998 đồng.

Căn cứ Biên bản đối chiếu công nợ ngày 2/5/2021 do P và Công ty N ký kết thể hiện đến ngày 30/4/2021 Công ty N nợ P số tiền 756.767.368 đồng, sau đó tháng 5 và tháng 6/2021 P cung cấp xăng dầu cho Công ty N đều có biên bản đối chiếu khối lượng, tính ra tiền hàng tháng 5 là 2.590.745.500 đồng , tháng 6 là 498.916.130 đồng, tổng tiền hàng đến tháng 6/2021 là 3.846.428.998 đồng. Sau ngày 2/5/2021 Công ty N thanh toán cho P số tiền 2.469.989.000 đồng, do vậy P còn nợ Công ty N số tiền hàng 1.376.439.998 đồng. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của P buộc Công ty N thanh toán số tiền mua hàng còn nợ 1.376.439.998 đồng là có căn cứ và đúng pháp luật, nên được chấp nhận.

- Về tiền lãi :

Hợp đồng số 188/ĐL/P-XDHN-NHATTHU/2020/B ngày 09/09/2020 các bên không quy định cụ thể việc Công ty N phải thanh toán lãi suất do chậm thanh toán tiền mua hàng, nhưng tại điểm 9.1 Điều 9 của hợp đồng số 188 có quy định: " *Các điều*

khoản khác không quy định trong Hợp đồng này, hai bên thống nhất thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành".

Điều 306 Luật thương mại năm 2005 quy định: "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền…thì bên vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thanh toán trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác"*.

Do Công ty N vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng, nên P đã ban hành các công văn số 1506 ngày 11/6/2021, số 1603 ngày 21/6/2021 và số 1664 ngày 30/6/2021 gửi Công ty N thông báo: Trường hợp Công ty N không thanh toán công nợ trước ngày 30/6/2021 thì P sẽ tính lãi đối với số tiền hàng chậm thanh toán kể từ ngày 01/7/2021 theo mức lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Do vậy, P yêu cầu Công ty N phải thanh toán tiền lãi đối với số nợ gốc là phù quy định tại các Điều 306 Luật thương mại, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của P buộc Công ty N thanh toán tiền lãi đối với số nợ gốc là có căn cứ, nên được chấp nhận.

Điều 11 Nghị quyết 01/2019 /NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: *"Trường hợp hợp đồng thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005, Tòa án căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 (ba) ngân hàng thương mại (Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam,...) có trụ sở, chi nhánh... để quyết định mức lãi suất chậm trả".*

Hiện nay, tham khảo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ba Ngân hàng được áp dụng khoảng trên 13,5%/ năm. Tuy nhiên P yêu cầu tính lãi suất 10%/năm nghĩa là thấp hơn mức lãi suất quá hạn hiện nay của ba Ngân hàng, xét thấy đây là sự tự nguyện của P và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

P khởi kiện Công ty N do vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng mua bán hàng hóa, vì vậy quan hệ pháp luật là tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa nên phải áp dụng Luật thương mại giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng Luật thương mại mà áp dụng Bộ luật dân sự là chưa đúng, do vậy căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của Công ty N, sửa Bản án sơ thẩm về áp dụng pháp luật.

Về án phí: Công ty N phải chịu án phí phúc thẩm.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội là phù hợp với pháp luật.

Từ những nhận định trên!

Căn cứ Điều 24, 306 Luật thương mại 2005;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 148, khoản 2 điều 308, điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điều 26, khoản 1 điều 29 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm,thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí , lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

Xử : Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại xuất nhập khẩu Xăng dầu Tập đoàn N

Sửa Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 31/2022/ KDTM – ST, ngày 30 tháng 09 năm 2022 của Tòa án nhân dân Huyện Thạch Thất về áp dụng pháp luật và quyết định như sau :

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần X (P).

Buộc Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại xuất nhập khẩu Xăng dầu Tập đoàn N phải trả nợ cho Công ty cổ phần X tổng số tiền hàng và tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 30/9/2022 là 1.548.494.993 đồng (Một tỷ, năm trăm bốn mươi tám triệu, bốn trăm chín mươi tư nghìn, chín trăm chín mươi ba đồng). Trong đó: Tiền hàng (nợ gốc) là 1.376.439.998 đồng (Một tỷ, ba trăm bảy mươi sáu triệu, bốn trăm ba mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi tám đồng), tiền lãi chậm thanh toán là 172.054.995 đồng (Một trăm bảy mươi hai triệu, không trăm năm mươi tư nghìn, chín trăm chín mươi lăm đồng).

Kể từ ngày 01/10/2022, Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại xuất nhập khẩu Xăng dầu Tập đoàn N phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh đối với số nợ gốc chậm thanh toán theo mức lãi suất 10%/năm cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

2. Về án phí:

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại xuất nhập khẩu Xăng dầu Tập đoàn N phải chịu 58.455.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm (chưa nộp) và 2.000.000 đồng án phí phúc thẩm (số tiền 2.000.000 đồng án phí phúc thẩm được trừ

vào số tiền tạm ứng án phí nộp tại biên lai số 25573 ngày 21/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội). Hoàn trả Công ty cổ phần X số tiền 28.200.000 đồng (Hai mươi tám triệu, hai trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0025398 ngày 16/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thi thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 20/3/2023.

Nơi nhận:
- TAND Huyện Thạch Thất.
- VKSND TP Hà nội .
- Đương sự.
- Lưu.

TM. Hội đồng xét xử phúc thẩm
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Hồng Hạnh